TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 05/2020/HC-GĐT
Ngày 17 tháng 4 năm 2020
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường.**

Các Thẩm phán Ông **Vũ Thanh Liêm.**

Ông **Trương Minh Tuấn.**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Minh Nhật**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Xuân Thanh**, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm vụ án hành chính về "Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai", giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông **Lê Quốc K** (Lê Văn K), sinh năm 1961; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 5, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người bị kiện:* **Ủy ban nhân dân huyện E**, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Mai P - Chức vụ: Phó trưởng phòng Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện E.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Roãn Văn T, sinh năm 1985; ông Roãn Văn Đ, sinh năm 1979; ông Phạm Quốc V, sinh năm 1956; bà Roãn Thị N, sinh năm 1962; ông Roãn Văn Đ, sinh năm 1951; bà Trần Thị M, sinh năm 1953, ông Roãn Văn T21, sinh năm 1975 và bà Tô Thị Thanh H, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 5, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

+ Ông Trần Đức P, sinh năm 1964 và bà Lê Thị L, sinh năm 1965; cùng địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 13, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

+ Ông Lê Văn T, sinh năm 1962 và Bà Trần Thị R, sinh năm 1963; cùng địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 3, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 12/10/2000, Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk ra quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 04 hộ dân tại thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, trong đó: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P053541 mang tên hộ ông Lê Quốc K, diện tích 13.800 m^2; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P053542 mang tên hộ ông Hoàng Trọng P (em họ ông K), diện tích 15.000 m^2; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P053540 mang tên hộ ông Phạm Quốc V (em rể ông K), diện tích 13.200 m^2 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P053543 mang tên hộ Hoàng Thị L (mẹ đẻ ông K) diện tích 13.500 m^2. Tổng diện tích đất cấp cho 04 hộ nêu trên là 55.500 m^2, mục đích sử dụng trồng cà phê, hạn sử dụng đến năm 2010. Tất cả 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên đều không thể hiện số thửa, không ghi số tờ bản đồ, không có tên trong sổ mục kê và không ghi đường đi công cộng.

Năm 2003, ông Lê Quốc K kê khai lại toàn bộ diện tích đất nêu trên và ngày 26/5/2003, Ủy ban nhân dân huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W818463 cho hộ ông Lê Quốc K, có diện tích 51.630 m^2, thuộc số thửa 02, tờ bản đồ số 01, mục đích sử dụng lâm nghiệp, thời hạn sử dụng đến ngày 20/5/2053, trích lục bản đồ địa chính thể hiện có con đường.

Ngày 02/4/2010, ông Lê Quốc K rào lại đường đi vào các hộ gia đình các ông Roãn Văn Đ, Roãn Văn T21, Roãn Văn Đ, Roãn Văn T, bà Trần Thị R và bà Lê Thị L. Do đó, các hộ có đơn khiếu nại gửi Ủy ban nhân dân huyện E đề nghị giải quyết. Ngày 07/9/2010, Ủy ban nhân dân huyện E ban hành Quyết định số 2895/QĐ-UBND, với nội dung *"Công nhận diện tích 93 m^2 tại Tổ dân phố 5 thị trấn E, huyện E là con đường đi chung của cộng đồng dân cư, buộc ông K phải tháo dỡ trụ rào dây thép gai và các công trình mà ông K xây dựng trên đất; yêu cầu ông K giao nộp 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện E đã cấp năm 2000 cho 04 hộ dân, trong đó có hộ của ông Lê Quốc K"*.

Ông Lê Quốc K khiếu nại Quyết định số 2895/QĐ-UBND ngày 07/9/2010 của Ủy ban nhân dân huyện E. Ngày 14/12/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E ban hành Quyết định số 3754/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại (lần 1), bác toàn bộ nội dung khiếu nại của ông Lê Quốc K.

Ông Lê Quốc K khởi kiện.

- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2011/HCST ngày 24/11/2011, Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk:

Căn cứ các Điều 103, 104, 111, 163, 264 của Luật Tố tụng hành chính.

Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Quốc K, hủy Quyết định hành chính số 2895/QĐ-UBND ngày 07/9/2010 của Ủy ban nhân dân huyện E.

Ngày 28/11/2011, ông Roãn Văn Đ; ngày 05/12/2011, bà Lê Thị L, ông Roãn Văn Đ, ông Roãn Văn T, ông Roãn Văn T21 và bà Trần Thị R kháng cáo.

- Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 07/2012/HC-PT ngày 28/5/2012, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Căn cứ khoản 3 Điều 205 của Luật Tố tụng hành chính.

Chấp nhận kháng cáo của ông Roãn Văn Đ, Roãn Văn Đ, ông Roãn Văn T, ông Roãn Văn T21, bà Trần Thị R, bà Trần Thị L.

Hủy Bản án sơ thẩm số 05/2011/HC-ST ngày 24/11/2011 của Tòa án nhân dân huyện E và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm lại.

- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2013/HC-ST ngày 06/9/2013, Toà án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 2 Điều 163 và Điều 164 của Luật Tố tụng hành chính.

Bác yêu cầu của người khởi kiện (ông Lê Quốc K) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Roãn Thị N) về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2895/QĐ-UBND ngày 07/9/2010 của Ủy ban nhân dân huyện E.

Ngày 11/9/2013, ông Lê Quốc K kháng cáo.

- Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 02/2013/HCPT ngày 17/12/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ khoản 2 Điều 205 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 36 của Luật Đất đai.

Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện; sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2013/HCST ngày 06/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện E.

Hủy quyết định số 2895/QĐ-UBND ngày 07/9/2010 của Ủy ban nhân dân huyện E.

Ngày 26/3/2014, ông Roãn Văn Đ, Roãn Văn Đ, ông Roãn Văn T, ông Roãn Văn T21 và bà Trần Thị R có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục Giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 02/2013/HC-PT ngày 17/12/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Tại Quyết định giám đốc thẩm số 06/2017/HC-GĐT ngày 21/8/2017, Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 02/2013/HCPT ngày 17/12/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk để xét xử phúc thẩm lại.

Ngày 24/01/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk có Công văn số 44/TA-HC kiến nghị Tòa án nhân dân tối cao xem xét lại Quyết định giám đốc thẩm số 06/2017/HC-GĐT ngày 21/8/2017 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao Đà Nẵng.

Tại Thông báo giải quyết kiến nghị giám đốc thẩm số 28/TANDTC ngày 22/03/2019, Tòa án nhân dân tối cao nhận định nội dung Quyết định giám đốc thẩm số 06/2017/HC-GĐT ngày 21/8/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao Đà Nẵng là đúng pháp luật.

- Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 06/2019/HC-PT ngày 01/8/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Áp dụng khoản 2 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 136 của Luật Đất đai.

Chấp nhận kháng cáo của ông Lê Quốc K; sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2013/HC-ST ngày 06/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện E.

Hủy Quyết định hành chính số 2895/QĐ-UBND ngày 07/9/2010 của Ủy ban nhân dân huyện E.

Ngày 28/8/2019, bà Lê Thị L có đơn đề nghị Giám đốc thẩm, đề nghị hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 06/2019/HC-PT ngày 01/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk để xét xử lại phúc thẩm theo quy định pháp luật.

- Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 98/QĐ-VC2-HC ngày 12/11/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng sửa Bản án hành chính phúc thẩm số 06/2019/HC-PT ngày 01/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, bác yêu cầu của ông Lê Quốc K, giữ nguyên quyết định số 2895/QĐ-UBND ngày 07/9/2010 của Ủy ban nhân dân huyện E.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao thay đổi một phần kháng nghị, đề nghị Hội đồng giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, hủy bản án phúc thẩm và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hình thức:

Ngày 02/4/2010, ông Lê Quốc K rào lại đường đi vào các hộ gia đình các ông Roãn Văn Đ, Roãn Văn T21, Roãn Văn Đ, Roãn Văn T, bà Trần Thị R và bà Lê Thị L. Do đó, các hộ dân này có đơn khiếu nại. Ngày 07/9/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E ban hành Quyết định số 2895/QĐ-UBND, với nội dung: *"Công nhận diện tích 913 m^2 tại Tổ dân phố 5 thị trấn E, huyện E là con đường đi chung của cộng đồng dân cư, buộc ông K phải tháo dỡ trụ rào dây thép gai và các công trình mà ông K xây dựng trên đất".* Đây là quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực quản lý đất đai, do đó Chủ tịch UBND huyên E ban hành quyết định này là đúng trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền được quy định tại Luật Khiếu nại tố cáo năm 1998 (sửa đổi bổ sung năm 2004, năm 2005) và Luật Tổ chức HĐND-UBND năm 2003.

[2]. Về nội dung:

Năm 2000, ông Lê Quốc K làm hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng do chính sách hạn điền của Nhà nước, nên ông K đã nhờ người kê khai đứng tên. Ngày 12/10/2000, UBND huyện E đã cấp 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P053541 mang tên hộ ông Lê Quốc K, diện tích 13.800 m^2; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P053542 mang tên hộ ông Hoàng Trọng P (em họ ông K), diện tích 15.000 m^2; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P053540 mang tên hộ ông Phạm Quốc V (em rể ông K), diện tích 13.200 m^2 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P053543 mang tên hộ Hoàng Thị L (mẹ đẻ ông K), diện tích 13.500 m^2. Tổng diện tích đất cấp cho 04 hộ nêu trên là 55.500 m^2, mục đích sử dụng trồng cà phê, hạn sử dụng đến năm 2010. Tuy nhiên, cả 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đều không thể hiện số thửa, không ghi số tờ bản đồ, không đăng ký trong sổ mục kê và không ghi con đường đi chung.

Năm 2003, ông Lê Quốc K kê khai lại toàn bộ diện tích đất nêu trên và ngày 26/5/2003, UBND huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W818463 cho hộ ông Lê Quốc K, có diện tích 51.630 m^2, thuộc số thửa 02, tờ bản đồ số 01, mục đích sử dụng lâm nghiệp, thời hạn sử dụng đến ngày 20/5/2053 (trích lục địa chính đã trừ diện

tích con đường) thể hiện có con đường. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Lê Quốc K không có ý kiến hay khiếu nại gì đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp và ngày 15/01/2007, ông K đã dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình để thế chấp vay vốn Ngân hàng.

Những người làm chứng như ông Lê Quốc Đ (là anh ruột ông K), ông Nguyễn Văn H (là người chuyển nhượng đất cho ông K) và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông Roãn Văn Đ, Roãn Văn Đ, Roãn Văn T, Roãn Văn T21, bà Trần Thị R và bà Lê Thị L (là vợ ông Trần Đức P) đều khẳng định có con đường đi chung từ trước năm 1990; đồng thời, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện E cấp cho những hộ liền kề với đất của ông Lê Quốc K như hộ ông Roãn Văn Đ, hộ bà Lê Thị L (là vợ ông Trần Đức P) vào năm 2003 đều thể hiện có con đường đi. Ngoài ra, theo bản đồ số 38 (độc lập) thị trấn E đo đạc năm 2003 và bản đồ đo đạc giải thửa tập trung thị trấn năm 2006, thì đường đi mà các hộ dân khiếu nại có diện tích 931 m^2 không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lê Quốc K.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở để khẳng định con đường được hình thành từ trước năm 1990, phía đông con đường có hàng muồng đen do ông Lê Quốc K trồng từ rất lâu, phía tây đường là hàng rào dâm bụt do nhà ông Roãn Văn Đ trồng. Diện tích của con đường là 931 m^2, không nằm trong phần diện tích đất mà ông Lê Quốc K được cấp lại năm 2003. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm *"Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quốc K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Roãn Thị N về yêu cầu hủy Quyết định số 2895/QĐ-UBND ngày 07/9/2010 của UBND huyện E"* là có căn cứ. Tòa án cấp phúc thẩm nhận định *"UBND huyện E ban hành Quyết định số 2895/QĐ-UBND ngày 07/9/2010 đã vi phạm Điều 18, Điều 47 Luật Khiếu nại, tố cáo. Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu UBND huyện E cung cấp hồ sơ giải quyết khiếu nại, nhưng nhận định trình tự, thủ tục ban hành đúng quy định của pháp luật, đồng thời chỉ căn cứ nội dung của quyết định tuyên bác yêu cầu khởi kiện là không có cơ sở",* từ đó *"Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quốc K, hủy toàn bộ Quyết định số 2895/QĐ-UBND ngày 07/9/2010 của UBND huyện E"* là không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, không thực hiện đúng Quyết định giám đốc thẩm số 06/2017/HC-GĐT ngày 21/8/2017 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và Thông báo giải quyết kiến nghị giám đốc thẩm số 28/TANDTC-GĐKT III ngày 22/3/2019 của Tòa án nhân dân tối cao.

Như vậy, việc ông Lê Quốc K rào đường đi chung đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cộng đồng dân cư tại địa phương. Do đó, kháng nghị giám đốc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 272 và Điều 273 của Luật Tố tụng hành chính 2015.

- Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 98/QĐ-VC2-HC ngày 12/11/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 06/2019/HC-PT ngày 01/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2013/HC-ST ngày 06/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

2. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng xét xử giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện E;
- TANDTC - Vụ III;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- Chi cục THA dân sự huyện E;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, Phòng GĐKT I, HCTP, LTHS.

TM.ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Việt Cường